

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST

Ngày 30/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi

Ông Vũ Đức Bính

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2021/TLST-HS ngày 04/6/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50/2021/QĐXXST-HS, ngày 16/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Trường G, sinh năm 2001, tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị R; vợ, con: chưa có;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 13/01/2021 của Công an xã T, huyện K xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện K.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/3/2021, chuyển tạm giam từ ngày 27/3/2021 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay. “Có mặt tại phiên tòa”

- Bị hại:

Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm 3, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Tổ 2, phố Phát Diệm Tây, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”

Chị Nguyễn Thị R, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. “có mặt”

- Người làm chứng:

Anh Phan Văn T3 “vắng mặt”

Chị Phạm Thị N “vắng mặt”

Anh Hoàng Văn T4 “vắng mặt”

Bà Đặng Thị Đ “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 21/3/2021 và 24/3/2021, G đã có hành vi trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 13 giờ, chiều ngày 21/3/2021, G đi bộ từ nhà quanh khu vực xã T, huyện K để tìm tài sản trộm cắp, khi đi qua nhà anh Hoàng Văn T sinh năm 1984 trú tại xóm 3, xã T, G thấy cổng không đóng, trong sân có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 29V3 – 020.30, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. Quan sát không thấy ai, nên G đi đến gần chiếc xe, dùng tay phải mở khóa điện, ngồi lên xe, rồi điều khiển xe đi để tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, G mang xe đến nhà anh Phan Văn T3, sinh năm 1982; trú tại: xóm A, xã T, huyện K hỏi bán, do xe không có giấy tờ nên anh T3 không mua. Do không tìm được nơi tiêu thụ và sợ bị phát hiện G đã mang xe về dựng tại vị

trí ban đầu ở sân nhà anh T rồi đi bộ về nhà. Sau khi bị mất tài sản anh T đã có đơn trình báo lên Công an xã Tân Thành.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/3/2021, G đến quán Internet của bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1966; trú tại: phố P, thị trấn P thì gặp bạn là anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1999; trú tại: phố P, thị trấn P nên G đến máy tính cạnh anh T4 ngồi chơi game. Khoảng 10 giờ cùng ngày, G quay sang mượn điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của anh T4 để vào Facebook, anh T4 đồng ý và mở mặt khóa của máy để G sử dụng. Một lúc sau G trả lại điện thoại nên anh T4 cầm máy để dưới bàn rồi tiếp tục chơi game. Thấy anh T4 dễ tính, lại đang mải chơi game, G nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 10 giờ 30 phút, G quay sang hỏi mượn điện thoại, anh T4 đồng ý và mở khóa màn hình để G sử dụng, nhận được điện thoại G giả vờ đưa điện thoại lên tai để gọi điện, thấy anh T4 không để ý, G đứng lên đi ra ngoài. Sau khi lấy được tài sản G đi bộ đến khu vực cầu nhà “Dòng” thuộc xã L thì gặp Trần Văn H, sinh năm 1997; trú tại: xóm 4, xã L, huyện K. G rủ H đi bán chiếc điện thoại, H đồng ý. Sau đó cả hai đến cửa hàng điện thoại di động của anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983; trú tại: xóm 8, xã L. H đứng ra bán chiếc điện thoại trên cho anh M được 1.000.000 đồng rồi mang ra đưa tiền cho G. Sau khi bị mất tài sản anh T4 đã có đơn trình báo lên Cơ quan Công an.

Ngày 25/3/2021, Nguyễn Trường G đã đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: Anh Nguyễn Văn M tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus; anh Hoàng Văn T giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 29V3 - 020.30; Nguyễn Trường G giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 và số tiền 510.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 14 và 15/HĐ-ĐG cùng ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 29V3 - 020.30 có giá là 8.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus có giá là 5.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 03/6/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 25/3/2021. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo số tiền 510.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản ảnh chụp hiện trường, cũng như lời khai của những người bị hại, người làm chứng, Bản kết luận định giá số 14 và 15 ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K, đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 13 giờ ngày 21/3/2021 tại

xóm 3, xã T, huyện K, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của chủ sở hữu, Nguyễn Trường G đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 29V3 - 020.30 của anh Hoàng Văn T, có giá trị là 8.500.000 đồng và khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/3/2021, tại phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình bằng thủ đoạn gian dối Nguyễn Trường G đã chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của anh Nguyễn Văn T, có giá trị là 5.500.000 đồng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Trường G đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật bằng hình thức cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem

xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 13/01/2021 của Công an xã T, huyện K xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hiện đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn 03 tháng theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện K.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với Trần Văn Hoàng là người cùng với bị cáo đi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có là chiếc điện thoại ngày 24/3/2021. Hiện H không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã tách phần tài liệu liên quan đến Trần Văn H để tiếp tục xác minh và xử lý sau là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn M là người đã mua chiếc điện thoại, do anh M không biết đây là tài sản do bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có và không hứa hẹn trước. Vì vậy, không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 - Bộ luật hình

sự. Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã nhắc nhở, rút kinh nghiệm đối với anh M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 29V3 - 020.30 của anh Hoàng Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của anh Nguyễn Văn T4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130 của chị Nguyễn Thị R. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác định họ là chủ sở hữu hợp pháp của những tài sản trên, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã trả lại cho anh T, anh T4 và chị R là có căn cứ.

Đối với số tiền 510.000 đồng mà cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo, đây là số tiền do bị cáo bán điện thoại cho anh M được 1.000.000 đồng sau khi tiêu sài cá nhân còn lại. Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình trả lại toàn bộ số tiền 1.000.000 đồng cho anh M. Do đó, cần trả lại cho bị cáo số tiền trên, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55; khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường G phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường G 06 (*sáu*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (*chín*) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai hình phạt của hai tội là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 25/3/2021.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Trả lại cho bị cáo số tiền 510.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chỉ ngày 03/6/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng